

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燭 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật-Giáo
Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bông-Sứ
Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tỳ-Cáp



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »

Ngài nào dời chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » của hội ta ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hãy là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giữm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

Kính trình các Ngài Trưởng-ban Đại-lý các chi-hội Phật-giáo Bắc-kỳ

Quyển « Nghi-tiết Tụng-niệm » của ban Đồng-ấu hiện đã in xong. Vậy các chi-hội hay những nơi nào đã có ban ấy, thì xin kê cho một bản danh sách gửi lên để Trung-ương gửi về phát cho mỗi người một quyển.

Quyển « Nghi-tiết Tụng-niệm » của ban Đồng-ấu sẽ lần lượt đăng vào báo Đuốc-Tuệ để cống hiến thập phương đồng lâm.

MỘT QUYỀN SÁCH RẤT CẦN CHO NHỮNG NGƯỜI TU THEO ĐẠO PHẬT

PHẬT-HỌC Thiển-đàm của Tế-Nam và Liên-Khốt soạn, giá mỗi quyển 0\$05, 10 quyển 0\$40. Thờ mua sách và mandat gửi cho ông Lê-đình-Thám, chủ-nhiệm Viên-âm Nguyệt-san Huế).

Ai đã ham mến đạo Phật, muốn tu theo đạo Phật thì cần phải hiểu rõ giáo-lý trong đạo Phật mới tìm thấy cái pháp-môn phương-tiện mà định được cái mục-dịch hành-tri; nhưng giáo-lý trong đạo Phật rất là màu-nhiệm uyên-thâm; những kinh-tạng thì sâu như bể rộng như rừng, toàn là do chữ Phạm dịch ra chữ Nho, lời lẽ mắc-mở, khó đọc và khó hiểu lắm; muốn tóm lấy những điều cốt-yếu, thấu lấy những chỗ tinh vi để hạ thủ công-phu tu tập cho mình, thực không phải là việc dễ vạy.

Ông Lê-đình-Thám, chủ-nhiệm Viên-âm Nguyệt-san, phó-hội-trưởng hội Phật-học Huế là một người đã dụng công nghiên cứu Phật-học trong mấy năm nay, đã biết cái nỗi khó-khăn đó, và vì cái đại nguyện tự giác giác tha, muốn tìm cách giúp ích cho những người mới tu theo đạo Phật, mới bàn cùng hai ông Tế-Nam và Liên-Khốt cũng đều là người có thâm đắc về Phật-học cả, làm ra quyển Phật-học Thiển-đàm. Quyển sách này khéo lựa lời thông thường giản dị mà phò bày Phật-pháp một cách rất tóm tắt rõ-ràng; cốt là nói chỗ dễ tránh chỗ khó, nói chỗ thấp tránh chỗ cao cho người mới học Phật dễ hiểu mà dễ nhớ; nhưng bao nhiêu những điều cốt-yếu, những chỗ tinh-vi cũng đều tóm thâu được cả, cũng đủ làm một cái bàn la-minh cho người ta vượt sang bờ giác, một cái đèn chiếu hải cho người ta ra khỏi bến mê.

Có quyển sách này thì những người mới tu theo đạo Phật khỏi được cái nỗi khó-khăn như vừa kể trên kia, không phải nhọc sức tìm tòi, lổn công suy xét lắm mà cũng hiểu rõ được cương-yếu đạo Phật, thực là một quyển sách rất cần cho những người mới tu theo đạo Phật vạy.

ĐUỐC-TUỆ

HỌC TIÊU-THĂNG VÀ ĐẠI - THĂNG

(Tiếp theo)

Cái bản thể vừa nói trên, hoặc gọi là tinh, hoặc gọi là tâm, hoặc gọi là chân-như, hoặc gọi là như-lai tạng, tuy có nhiều danh-hiệu, song tóm lại là một giác thể, ở bậc Thánh không nhiều thêm lên, ở bậc phàm không ít kém đi, chúng-sinh và Phật cũng đều chung một giác thể ấy cả. Chúng-sinh có giác thể mà không giác ngộ, cho nên gọi là phàm, Phật có giác thể mà tự giác ngộ, cho nên gọi là Thánh.

Tự là mình tự biết mình, tự xét mình, trừ bỏ hết thấy những sự su-trục chung-cầu ở ngoài, mà tự nhận lấy phần chân thực ở trong, là phần có sẵn của mình. Tự là tự tin ở cái nghị-lực của mình, tự lập bởi cái năng-lực của mình. Muốn làm trọn được chữ « tự » tất là phải đủ cái tinh thần dũng mãnh và tinh tiến. Vậy tự giác là mình biết mình vốn là ngay thẳng, mình biết mình vốn là trong sạch, tự cường tự chủ, để giữ lấy cái thể ngay thẳng và trong sạch ấy. — Khi đã tự giác rồi, thì lại đem cái giác ấy để giác cho mọi loài, đều ngay thẳng và trong sạch như mình. Tự giác là phá cái mê của mình, giác tha là phá cái mê cho cả thế gian, thể là độc nhất vô nhị pháp-môn của đạo Phật.

Vậy nếu ta lấy giáo-lý mà xét đạo Phật, thì đạo Phật là một môn giác học, theo những lý-giải quang-minh chính đại, có thể đào tạo được những bậc đại Thánh đại Hiền, anh-hùng hào-kiệt, để gây dựng những công ích công lợi cho nhân-quần xã-hội, có thể bồi bổ thể-dạo nhân-tâm, để giữ vững cái nền tảng lương-thiện trung hậu, mà suy rộng ra, có thể lấp bằng bề lợi-dục, trừ tất lửa cạnh-tranh, đưa cả thế-giới đi vào con đường tiến-hóa là con đường nhân-đạo hòa-bình. Hòa-bình là cái đại nguyện chung và cái hạnh phúc lớn của hết thầy giống hữu-linh, đã bao nhiêu

mồ hôi nước mắt, vì nó mà hàn gắn, cổ rât họng bỏng, vì nó mà kêu gào, song nó vẫn là lâu lá chuỗi của con hươu, nó vẫn là đồng cát se của con giã-tràng, là vì đời còn mê ngủ, cho nên nó chỉ mơ màng trong giấc nam-kha, nếu đời giác mà tỉnh giậy, thì nó chính là một cảnh hiển-hiện ở giữa thanh thiên bạch nhật vậy. Nếu lấy tôn-giáo mà xét đạo Phật, thì tôn-giáo là một phần phụ thuộc ở trong giác học, không những giậy người biết đường thẳng mà tin ngưỡng, theo bát chính-đạo, bỏ ác làm thiện, tu dưỡng để lập thân, và làm mọi việc từ thiện để giúp đỡ lẫn nhau; lại còn mở rõ cửa tam-quan 三觀 (1) cho mọi người có thể noi theo bốn điều tin, giải, hành, chứng, (2) từ thấp tiến lên cao, cho đến chỗ cứu cánh (3), suy rộng ra, có thể giúp cho các phái lý-học, như duy-vật, (matérialisme) duy tâm, (idéalisme) duy trí, (spiritualisme) trực giác (intuitisme) biết chỗ sai lầm mà chữa, nhận chỗ mê lối mà ra, để kê cứu những cơ huyền bí cho triết để cùng nguyên; mà nói cho đúng, thì khoa-học càng phát-minh ra bao nhiêu Phật-học lại càng rõ rệt bấy nhiêu, chứ không phải như những giáo thiên thần, phiếm thần, tà thần, cùng những ngoại-đạo khác, dẫn-dụ cổ hoặc, dễ gây những mối mê-tin cho loài người, mà ngay tự gia những chỗ căn-cứ đã hẹp thấp, lại chẳng vững bền, cũng không còn đủ thể lực để sinh tồn ở trong đời khoa học như ngày nay vậy.

Theo những lẽ đã xét như trên, thì đạo Phật đến nay, đối với các giáo khác, tuy rằng đã lập thành ra một tôn giáo, mà chúng ta cũng đều công nhận đạo Phật là một nền tôn-giáo cổ của nước ta, song chúng ta nên hiểu rằng, nếu đạo Phật lập thành tôn-giáo, mà vì một môn giác-học mới lập thành, vậy việc chấn hưng Phật-giáo, cần nhất là

(1) Tam quan là giả quan 假觀 không quan 空觀 và trung quan 中觀

(2) Tin là lòng tin, giải là hiểu biết giáo lý, hành là thực hành, chứng là đến chỗ tự mình giác-ngộ.

(3) Cứu cánh là chỗ cùng tột.

phải giảng cứu Phật-học, mà muốn giảng cứu Phật-học, lại phải giảng cứu cách lập giáo của Phật-tổ.

Nay xét cách truyền giáo của Phật-tổ có bốn lối:

1) Tiệm-giáo, giảng dần dần từ chỗ thấp đến chỗ cao; 2) Đốn-giáo, giảng cho vào chỗ cao ngay; 3) Biệt-giáo, giảng riêng từng người một; 4) Viên-giáo, giảng chung hết thầy mọi loại. Bốn cách này tùy theo căn-khí và cơ-hội mà khai đạo chúng sinh, đủ cả thiện-sảo phương tiện, cực kỳ chu mật hoàn toàn, Phật-tổ thật là một nhà đại giáo dục vậy. Trong bốn mươi chín năm Phật-tổ giảng đạo có thể chia làm năm thời kỳ, thường gọi là ngũ-thời: (五時)

Thứ nhất là Hoa-nghiêm thời, ngài vì những bậc thượng-căn (1) giảng kinh Hoa-nghiêm, cắt rõ cả không, cả hữu, cả sắc, cả tâm, cho những người nghe, đều hiểu được phép tam-muội; (2) thời này thuộc về biệt-giáo và đốn-giáo.

Thứ nhì là Lộc-uyển thời, ngài vì những bậc trung-căn và hạ-căn giảng những kinh A-hàm cắt rõ tứ-đế và thập-nhị nhân-duyên, cho những người noi từ bậc dưới mà lên; thời này thuộc về tiệm-giáo.

Thứ ba là Phương-đẳng (3) thời, ngài vì những bậc thanh-văn duyên-giác mới biết được ít đã cho là đủ, nên mới giảng những kinh duy-ma và lãng-già, để vui miễn cõi cửu-cánh, mà cố gắng tiến lên; thời này cũng thuộc về tiệm-giáo.

Thứ tư là Bát-nhã thời, ngài vì những bậc đã trải qua thời Phương-đẳng mà những lòng chấp trước chưa trừ bỏ được hẳn, cho nên mới giảng kinh Bát-nhã, nói rõ lý « không » phép « tuệ » để ai có thể vượt lên cao được, thì theo đấy mà vượt lên; thời này tuy là tiệm-giáo mà cũng gồm cả biệt-giáo.

(1) Thượng-căn là căn khí thuộc về bậc cao như những người thông minh đĩnh-ngộ.

(2) Tam-muội là chính định, chính định được tâm trí, tiến lên cõi tuệ-giác.

(3) Phương-đẳng 方等: khắp hết thầy là phương, nơi thứ bậc là đẳng.

Thứ năm là Pháp-hoa Nát-bản thời, ngài vì các đệ-tử đã trải qua cả bốn thời, căn cơ thuần thực, cho nên mới hội ở Linh-sơn giảng rõ cái chân tính của chúng-sinh để ai ai cũng hiểu thấu đạo chân-như, bởi thế mà có kinh Pháp-hoa, còn ai chưa được thụ-ký (1), ngài lại giảng thêm đạo bất sinh bất diệt, bởi thế mà có kinh Nát-bản; thời này thuộc về viên-giáo là giảng chung cả bậc thượng trung hạ căn vậy. Ngài lập ra môn giác-học, gồm cả bậc thấp bậc cao, ví như cỡi xe chở chúng-sinh đi từ chỗ mê tới chỗ giác, cho nên mới gọi là thặng. (乘)

Theo nghĩa chữ thặng mà gọi những ngôi bành chứng. Ngôi ở trên nhất là nhất thặng, (一乘) tức là Phật; ngôi ở dưới nhất là nhị-thặng, (二乘) là thanh-văn duyên-giác; tiến lên nữa là tam thặng (三乘) là thanh-văn duyên-giác và la-hán; tiến lên hơn nữa là tứ thặng (四乘) là tam thặng mà thêm một ngôi bồ-tát; mà gọi chung cả là ngũ thặng (五乘) là tứ thặng mà thêm ngôi Phật là ngôi cứu-cánh.

Xem như thế thì học Phật là một môn giác-học có phương pháp thứ tự, tuy gọi là có ngũ thặng, mà thực là cốt lấy nhất thặng làm mục đích, tại làm sao về sau lại chia ra hai phái là tiểu-thặng và đại-thặng? Lý do là tại những cách giải chứng của các đồ-đệ ở đời sau, chứ không phải là bản ý của Phật-tổ tức đương sơ lập giáo vậy.

(Còn nữa)

BÙI-KỶ

(1) Thụ ký là chính Phật-tổ đã thân truyền đạo Phật mà nhận cho làm Phật-tử.

MẤY NGÀY ĐI HUẾ

Như tin bản-báo đã đăng trong số 13, đoàn đại-biểu hội Phật-giáo Bắc-kỳ đã đáp chuyến xe lửa tốc-hành hồi 13 giờ ngày 19 tháng 2 năm Bình-tí (1936) vào Huế để tùy-hỷ và khảo-sát các công việc tổ-chức của hội « Phật-học Huế ».

Ở chùa Quán-sứ ra đi

Cố cụ Chánh-giám-viện (cụ Trung-hậu) tôi (Tri-Hải) và sư ông Thanh-Tin ở Khuyển-lương là đệ-tử cụ Giám Hương-tích đi theo vào học ở trong trường Đại-học của hội Phật-học Huế, (hiện nay sư ông ấy đang học trong ấy) ra đến ga Hàng-cổ trông đồng hồ đã 12 giờ 30 thì đã thấy cụ Bình-vọng (cụ Sở) cụ Bộc và một vị hành-giả. Hai cụ có đưa ba bộ luật « *Tứ phận hành sự sao tu trì kỷ* » vào cúng hội « Phật-học » trong Huế. Hôm ấy là ngày gần đến kỳ lễ Nam-giao và đương hội chợ Huế, khách đi đông quá. Lên đến tàu thì thấy cụ lớn Hiệp-tá-dại-học-sĩ Nguyễn-năng-Quốc là hội-trưởng hội Phật-giáo và các quan vào lễ Nam-giao đã ở trên tàu rồi. Đúng 13 giờ tàu chạy, qua tỉnh Hà-nam, Nam-định, 16 giờ đến ga Ninh-bình, thì cụ Tăng-cang chùa Phúc-chính đã đón ở sân ga. Cụ cũng mang đi bốn bộ « *Phật-bản-hạnh* » vào cúng hội Phật-học trong Huế. Từ Ninh-bình trở vào đường đi mỗi lúc một vắng, tàu chạy lại càng nhanh, làm cho hành-khách đứng không yên-ôn, ngồi không vững vàng, người nào người ấy cứ lắc la lắc lư như người lên đồng. Coi rất buồn cười. Trông ra hai bên phần nhiều là núi cả, phong-cảnh coi rất vui mắt, ngoảnh đi ngoảnh lại không mấy mà đã tới Thanh-hóa, rồi đi qua Vinh, Đông-hà, Đồng-hới cứ đến mỗi ga khách lên lại càng đông. Khi tàu tới ga Huế thì đã 4 giờ 35 phút. Chúng tôi đương soạn đồ hành-lý xuống, thấy hai vị sư ở chùa Tây-thiên ra đón. Trong hai vị đó tôi nhận rõ được một vị hiệu là Chính-thống, kỳ lễ suy-tôn chức Thuyền-gia Pháp-chủ của hội Phật-giáo Bắc-kỳ có ra dự lễ, nên vừa trông thấy nhau

mà trong lòng đã khoan-khoái vô cùng, quên hết cả những sự nhọc mệt trong 15 giờ đồng hồ ngồi tàu, đi qua 689 cây số.

Ở ga ra thì cụ lớn Hiệp cùng các quan về dinh các quan Thượng còn các sư chúng tôi đi qua đường Nam-giao. Trời lát-phất mưa xuân, đường đi hơi trơn. Xe đi thông thả, trông hai bên đường những cây thông cổ thụ cành lá um-tùm, đi đến ngót một giờ mới vào tới chùa Tây-thiên. Chùa ngay trước đàn Nam-giao, trên một cái đồi, lối vào mở rất rộng, đi xe hơi (ô-tô) vào tận sân được. Hai bên ngõ và cửa chùa cũng đều đồng thông cả. coi rõ ra một chốn tùng-lâm u-tịch, rõ ra một nơi lan-nhã thanh-cao.

Vào tới chùa

Một đoàn xe kéo vừa vào đến sân, thì trông vào trong nhà đèn dốt trung-bình, các vị thượng, trung, hạ tọa ra chào hỏi rất vui-vẻ. Vào nhà ngồi yên-đn rồi, có một vị ra giới-thiệu với chúng tôi vị nào là tăng-cang, vị nào là chủ-trì, cùng những vị giảng-sư, những học-sinh trường Đại-học và Trung-học ở đấy. Xong đến lượt tôi đứng lên giới-thiệu các cụ ở ngoài Bắc với các sư trong ấy. Uống nước vừa xong thì trông ra giới đã tang tăng sáng, chúng tôi trông thấy trong nhà bày đặt một cách rất chỉnh-dốn, nào tủ sách bàn ghế, bâng, địa-đồ, coi rõ là một trường học. Sau có một vị bảo cho tôi biết đấy là trường dạy lớp Đại-học và Trung-học của hội Phật-học Huế. Bảy giờ mới sáu giờ sáng, các cụ các sư chúng tôi lên chùa lễ Phật, xem chùa. Chùa làm theo kiểu Tàu nhưng làm cũng nhỏ thôi, mà cách thờ rất tôn-nghiêm : chính giữa chùa thờ có một pho tượng đức Di-đà tiếp dẫn, còn hai bên tả hữu chỉ thờ bình hương thôi, phía sau thờ tổ, hai bên làm tăng-phòng. Ra xem cảnh chung quanh nào vườn hoa vườn tháp, cây cối vườn đất coi rất ngoạn mục. Cảnh chùa này mới khai thác hơn ba mươi năm nay mà cảnh-chí đã sửa sang thành một nơi tùng-lâm coi rất hùng-vĩ. Đang đi chơi chung quanh chùa thì một vị ra mời các sư về điếm tâm-sáng, xong, các sư ở đấy lên làm lễ trên chùa.

Đồng-hồ vừa đánh tám giờ, cách mấy phút sau tiếp mấy tiếng hiệu cho các học-sinh vào. Các cụ ở đấy có ý sợ các

sư chúng tôi mệt, mời đi nghỉ, nhưng tôi thì bình như vui quá quên mất cả mệt, các học-sinh vào học, tôi cũng xin phép vào xem. Cách dạy học rất có qui-mô trật-tự, phương-pháp dạy học trò rất rể hiều. Khác hẳn với lối học bình văn giảng nghĩa như xưa, học đủ cả khoa-học, triết-học văn-văn, cũng gồm đủ như qui-củ của các trường học Pháp-Việt hiện thời. Giờ nào học, giờ nào viết, giờ nào tập thể-dục, giờ nào tập làm văn, giờ nào viết âm tả, giờ nào nghiên-cứu, giờ nào vấn-đáp, các thi giờ học tập rất phân-minh, không giống các qui-củ trường học hạ ngoại Bắc tí nào cả.

Tôi được xem qua cách dạy học, cách học ở trong ấy, lại nghĩ đến cách dạy học, cách học truyền-gia ở Bắc từ trước đến giờ dạy rất khó hiểu, rất lâu lâu-tới, thật là đáng tiếc cho cái tư-chất thông minh của các vị hậu tiến xuất gia ở Bắc; nay ước ao sao các bậc thượng-đức nghĩ đến Phật-pháp, thương đến lũ sau, phát tâm bồ-đề, ra tay tế-độ, chỉnh-đốn lại sự học trong tăng-giới, đề đào tạo lấy người sau này tuyên dương giáo-hóa của Phật, thì công đức biết chừng nào !

Nói chuyện cùng ông Lê-đình-Thám và ông Hoàng-mộng-Lương

12 giờ 30 thì hai ông tới chùa, các sư chúng tôi tiếp chuyện hai ông trong góc 2 tiếng đồng hồ, đàm-đạo rất vui-vẻ. Xem hai ông tuy là người tại gia song về đường Phật-pháp có phần thấu hiểu lắm. Ông Thám nhờ được tư-chất thông-minh đã sẵn có, lại có tinh chuyên-cần học hỏi, hiện nay ông đương làm Đốc-tor, làm phó hội-trưởng hội Phật-học và chủ-nhiệm tạp-chí Viên-âm, công việc bận bịu thế nào mặc dầu, hễ ngoài các thì giờ đó ra là ông vào chùa học kinh, hay dạy học giúp các sư. Ông có nói : Nếu muốn làm việc Phật cần phải có tin-cần chắc-chắn, học cho thông hiểu Phật-pháp, không thì cái việc mình làm đó khó mà tránh khỏi sự sai lầm, mà đã sai lầm, không những khổ riêng cho mình mà lại hại cả cho hết thầy chúng-sinh nữa.

Sang chơi chùa Trúc-lâm

Từ chùa Tây-thiên sang chùa Trúc-lâm có hai lối đi : một lối đi đường chính xứ thì xa độ hơn 3 cây số ; còn lối đi tắt

thì chỉ độ hơn một cây thoi. Các sư ở Tây-thiên đưa chúng tôi đi lối tắt, nhưng cũng dễ đi. Sáu giờ tối sang đến nơi, trông phong-cảnh lại có phần sầm-uất vui-vẻ hơn chùa Tây-thiên. Vị trụ-tri ở đây, kỳ lễ xuy-tôn Pháp-chủ ở Bắc-kỳ cụ có ra dự lễ. Trường Tiều-học của hội Phật-học lập ở đây, đã được 60 học-sinh, mà trường mới mở từ tháng giêng năm nay đó thôi. Trường này dạy cũng có qui-mô trật-tự lắm.

Ở đây lại có Hòa-thượng ở chùa Thập-pháp trong Bình-định ra giảng kinh cho các sư và các cư-sĩ nghe; năm nay ngài đã ngót 70 mà người hãy còn khỏe mạnh lắm. Người rất thông-minh, và hết lòng vì đạo. Chùa ngài ở rất to, đẹp-tử thật nhiều, nhưng hội Phật-học thỉnh ra dạy kinh thì ngài vui lòng ra ngay. Từ chỗ ngài ở ra Huế còn xa hơn ở Hanoi vào Huế. Tối hôm ấy tôi cũng được ở lại với các cụ nghe giảng kinh « Năng-già tâm-ấn ». Ngài giảng rất khúc-triết minh-bạch, cả các sư nọ và các cư-sĩ cũng đều nghe; được mấy vị nọ học cũng đã khá lắm.

Cụ hội-trưởng hội Phật-giáo Bắc-kỳ đi thăm các trường học

Sáng hôm 15 hồi 9 giờ cụ Hiệp hội-trưởng hội Phật-giáo có đi thăm trường Tiều-học ở chùa Trúc-lâm, rồi sang chùa Tây-thiên thăm trường Đại-học và Trung-học.

Đi thăm các chùa ở Huế

Buổi chiều các cụ trong chùa Tây-thiên cho thầy chính-thống đưa các sư chúng tôi đi thăm các chùa. Đi xe hơi qua đường Nam-giao, đến hội Chợ, sang cầu Tràng-tiền sông Hương đến chùa Diệu-đế, xem đồng hồ mới có 12 giờ 15. Vào chùa xem xong ra ô-tô lên chùa Thiên-mụ, quanh về xem Hoàng-thành, trở về chùa Báo-quốc, chùa Tường-vân, 4 giờ 35 sang chùa Từ-quang là hội-quán tạm thời của hội Phật-học. Chiều hôm ấy hội có làm cơm ở đây đãi các sư chúng tôi. Đến 8 giờ tối ở đây có diễn thuyết. Các sư và tất cả các hội-viên cùng thỉnh-giả đều vào trước bàn Phật làm lễ độ nửa giờ rồi xuống nhà giảng nghe diễn. Trước khi diễn tôi có đại diện các cụ thượng tọa chúng tôi nói

mấy lời chúc hội ấy, và nói đại ý việc chúng tôi vào đây, ông Lê-dinh-Thám giả lời. Xong ông diễn về vấn đề « sự lý ». Đại ý ông nói : « Hết thầy trong thế-gian và xuất thế-gian cái chi cũng đều có sự có lý cả » ông nói hơn một tiếng đồng hồ, được các thỉnh-giả rất hoan nghinh. Xong, chúng tôi lại về chùa Tây-thiên nghỉ.

Xem lễ Nam-giao

Sáng ngày 16 ta các sư ở đây đưa chúng tôi đi xem rước vua ra trai-cung để ngày 17 tế Nam-giao. Khi về đến chùa thì thấy các sư ở nhà nói cụ Hội-trưởng có cho đưa đến 20 cái giấy đề vào xem tế tập lễ Nam-giao. Đến chiều chúng tôi đi xem tế.

Hôm 17, sau khi xem rước vua về thành, thì các cụ về chùa nghỉ, tôi đi thăm tòa soạn « Viên-âm », vì hội-quan của hội cũng chưa làm xong nên tòa soạn phải đặt ở nhà một vị hội-viên, lúc tôi đến nơi có viên thư-ký ra nói truyện cho tôi biết các công việc của tòa soạn, các bài vở do mấy vị học-sinh ở trường Đại-học viết và mấy vị nọ, sự sắp đặt do ông Lê-dinh-Thám chủ trương.

Đi xem trong thành nội và các lăng

Cụ hội-trưởng có xin phép để các sư chúng tôi được vào xem trong nội thành. Vào đến cửa thành lần thứ hai có mấy người lính bồng súng canh, chúng tôi đưa giấy phép ra, thì một người gọi điện-thoại bảo người lính ra dẫn đi xem Tất cả các cung điện. Xong, chúng tôi đến thăm cụ Thượng Nguyễn-khoa-Tân là hội-trưởng hội Phật-học Huế và đến chơi nhà ông Lê-dinh-Thám, 11 giờ hơn về chùa thụ trai. Xong, đi xem các lăng. Thoạt tiên đến lăng Đức Khải-dịnh. Đi một quãng đỗ xe ô-tô sang qua một cái đò, (gọi là đò Tuần) đi bộ độ bốn năm trăm thước thì tới nơi, xem rồi lại về đò lên ô-tô đi độ 20 phút đồng hồ đến lăng đức Thiệu-trị. Xong sang xem lăng đức Đồng-khánh cũng gần đây. Kế sang xem lăng đức Tự-đức. Các lăng mỗi cái một kiểu rất hùng vĩ, mỗi cái làm ít ra cũng phải tốn đến 3, 4 chục vạn. Xem các lăng rồi về chùa Từ-hiếu và ăn cơm chiều ở chùa Trúc-lâm. Tối lại về chùa Tây-thiên nghỉ.

Đến thăm các quan Thượng

Hôm 19 các cụ thượng tọa chúng tôi vào thăm quan Thượng Thái-văn-Toản và quan Thượng Phạm-Quynh.

Rã cảnh rã người

20 giờ tối hôm 19 chúng tôi thu xếp đồ hành-lý và từ biệt các vị trong hội Phật-học để ra tàu, có mấy vị đưa chúng tôi ra. Đứng 12 giờ đêm tàu chạy, lúc đó làm cho trong lòng chúng tôi rất là băng-khuàng, nhớ cảnh Tây-thiên, nhớ các sự trong trường Phật-học.

Tàu chạy đến 15 giờ 15 hôm 20 về tới Hanoi.

*
**

THƠ MỪNG HỘI PHẬT-HỌC TRONG HUẾ

Bài của cụ Sở

法 水 頻 將 酒 俗 情	圓 音 欲 得 流 傳 播	可 能 佛 學 出 羣 生	將 成 天 心 存 正 教	眉 目 隨 机 北 地 明	盛 滿 播 入 香 天 境	春 遊 芳 草 到 京 城	七 十 年 間 說 句 經
---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------

Bài Quốc-âm :

*Nghìn dặm xa xăm tới thượng thuyền,
Bát y ướp hổi ấy ai truyền.
Nhân-duyên hội ngộ nhiều cơ mới,
Ý vị phân-minh lắm bậc hiền,
Hay hẳn có người trương-chủ đó,
Hóa nên Phật-học dễ mau liền,
Thôi thôi đã tỏ « lấy lại ý »,
Phong-cảnh nhìn xem sắc tự-nhiên.*

Bài của cụ Phúc-chỉnh

*Từng doài da sinh gấm lúc duyên,
Xuân kinh xa cách bỗng nên liền,
Thông reo trúc hóa vui mùi đạo,*

Núi Ngự sông Hương rặng cảnh tiên,
 Phật-học tiếng thơm lòng Đệ-quyết,
 Pháp âm hội mở nhưc Nam-thiên,
 Bắc Trung khế hợp cơ màu niêm,
 Bái khánh Nam-giao chúc đại thuyên.

Bài sư ông Chánh-thống họa bài của cụ Sở

願	且	敢	休	一	五	只	個
將	喜	向	論	拳	數	恐	中
法	慈	竿	目	兒	勝	聲	滋
樂	顏	頭	下	羅	遮	聞	味
鎮	今	死	通	欲	除	滯	本
迷	再	又	還	無	二	化	非
情	觀	生	塞	明	執	城	經

Tôi bắt-đắc-dĩ cũng phải nói văn họa theo

覓	縱	願	想	一	六	要	此
來	得	向	來	塵	賊	把	身
甚	含	蓮	苦	蕩	獨	心	苦
處	靈	池	海	盡	除	王	樂
有	同	覺	迷	性	心	守	已
癡	此	岸	津	圓	正	似	曾
情	意	生	劫	明	定	城	經

Dịch nghĩa :

Thật này vui khờ đã qua,
 Giữ sao cho được lòng ta vẹn-toàn.
 Sáu căn chớ dễ lãng loạn,
 Chút trần chẳng vương mới an tĩnh minh.
 Tướng trong bề khờ mà kinh!
 Trông với Cực-lạc xiết tình vui thay!
 Chúng-sinh cùng một ý này,
 Còn tìm đâu thấy những loài: si mê.

Ông Lê-đình-Thám họa một bài như sau đây :

願	何	法	業	無	本	指	文
將	幸	界	緣	明	覺	月	身
慧	於	真	如	深	澄	融	名
炬	今	空	有	入	流	通	句
照	逢	四	三	卽	成	越	所
迷	大	不	能	圓	妄	化	詮
情	德	生	變	明	覺	城	經

Về nhà, cụ Quảng-Độ xem thấy cũng họa bài của cụ Sở như sau này :

托跡叢闍閱幾經
今朝掛錫向春城
心王不亂禪機悟
慧燭回光眼界明
欲把毫光開黑道
頻將法水洒蒼生
數篇貝葉相締訂
日向金蓮了世情

Sa-môn TRÍ-HẢI

ĐỊA-VỊ ĐÀN BÀ, CON GÁI ĐỐI VỚI ĐẠO PHẬT

(Tiếp theo kỳ trước)

Có nhiều người nói : về phần mộ đạo thì nữ-giới có tình cả nghe và dễ tin hơn nam-giới nhiều, nhưng nữ-giới kém phần kiên-nhẫn, kém trí phán đoán, cho nên lòng tin không được lâu bền, lúc mới thì hăm hở, rồi sau lại chóng chán, và lúc khởi lòng tin không biết suy xét, cho nên bạ cái gì cũng tin, cái gì cũng theo. Còn bên nam-giới thì khác hẳn, trước khi theo một giáo nào, hay một thuyết nào, cũng suy xét nội dung là thế nào, người xướng lên thuyết ấy là thế nào, bấy giờ mới tin, mà đã tin thì lực-hành một cách rất tinh-tiến, rất kiên-nhẫn, bởi thế xét đến sự thực vẫn có kết quả nhiều. Điều đó quả là đúng ! thật. Tôi xin nói ngay sự trước mắt, từ khi hội Phật-giáo ra đời, những ngày khánh dân, những cuộc diễn giảng cứ trông ghê người trong chùa hội quán này cũng đủ rõ rằng tấm lòng mộ đạo, nữ-giới chiếm đa số hơn nam-giới; nhưng xét vào bề trong, hỏi đến mục-đích hội Phật-giáo như thế nào, giáo-lý của Phật như thế nào, thì tôi dám chắc rằng nam-giới lại trội hơn nữ-giới. Vì sao thế vậy ? Cứ như thiên-ý tôi xét thì cũng không ngoài cái công-lệ gia-đình giáo-dục và xã-hội giáo-dục nam nữ không đều nhau, chứ không phải tại nữ-giới kém trí thông minh, kém tính kiên-nhẫn. Muốn rõ sự thực, tôi xin các cụ,

các bà và các chị em hãy phòng làm con mắt mà nhìn qua lịch-sử hai vị Nữ bồ-tát xuất hiện ở bên Âu bên Mỹ trong thế-kỷ vừa qua :

I. — Bà Châu-á-Điêm (Jane Addame). Bà người nước Mỹ, con một nhà thường-dân, mồ-côi mẹ sớm, thiếu người bù trừ, nên sức vóc rất yếu-ớt, còi và chân có tật, cho nên đầu ngoẹo và đi lập lênh, ai trông cũng thương hại, nhưng tinh bà rất vui-vẻ, mà trí-thức mở mang rất sớm, nên mới năm sáu tuổi, đã có kiến-thức như người lớn. Có một lần bà nói đối bố một câu, ngày chơi lãng-quãng, đến tối đi ngủ, lương-tâm phát hiện, tự thấy lỗi mình, tự trách mình hoài, trằn-trọc trên giường không sao ngủ được, lòng lại như tòng : « Như thế này mà không đến tận mặt cha xin lỗi, thì lỗi ấy bao giờ sạch được ». Càng nghĩ càng sợ, hồi lâu quyết-chí giờ dậy tìm cha. Lúc đó vào hồi nửa đêm, bốn bề lặng ngắt, trong nhà tối om, thế mà quyết lần từ trên gác xuống, đến tận phòng cha nằm, vừa thở hổn hển vừa kê lỗi mình đã nói dối cha mà xin cha tha thứ cho. Cha lấy làm vui vẻ lắm mới bảo rằng : « Con yêu của cha ơi, con ngoan lắm, cha yêu thương con lắm, thôi con đi ngủ đi ! ». Được nhờ cha tha thứ, bấy giờ về mới ngủ yên. (Đó là cái tình-thần sùng-hối). Bà tự biết mình có tật xấu, những ngại người ta chê cười đến cha, cho nên những lúc có khách khứa đông, thì bà lần một chỗ. Khi cha ra nhà giáo-đường đi giảng kinh sách thì bà núp vào một chỗ. Đó, vì một lần lòng hy-sinh cõn-con ấy mà khi lớn lên mới làm nên công nghiệp kinh thiên động địa. Song, cha bà không lấy sự con mình xấu xa như thế làm then, có một lần đối trước mặt công chúng, cha bà cúi đầu xuống bắt tay bà, đó tuy bởi tấm lòng yên con và đưa con làm vui, nhưng từ đó bà biết rõ cha bà không lấy thế làm then, nên bà không lần núp nữa. Hồi bà lên ba lên bốn, cha bà lấy thêm một bà kế-mẫu, sinh được hai em trai, bà rất yêu dấu, ăn cùng một mâm, chơi cùng một chỗ.

Năm 12 tuổi, đã học qua tràng tiểu-học, cha bà cho vào tràng Trung-học. Học trong một thời-kỳ bốn năm, phẩm hạnh đã cao, tài học lai giỏi, cho nên chị em trong trường, ai cũng kính mến. Khi bà đỗ bằng trung-học rồi, liền đi du-

lịch các nơi thắng cảnh bên châu Âu. Tìm con mắt càng rộng, phần trí-thức càng nở. Một khi đi du-lịch đến phía đông thành Luân-đôn, thấy con trẻ mới độ sáu tuổi, đầu bù chân không, còng lưng lam trong xưởng thợ, không còn một chút gì là sinh thú của con trẻ nữa ; lại thấy một hạng đàn bà, vì phải đi làm thuê, bỏ con ở nhà, không ai coi sóc, đôi mắt khóc nhoe, cảnh rất thảm thương. Bà trông thấy tình cảnh ấy, găm lại quê nhà, chắc cũng chẳng khác gì. Bèn động tâm lòng từ-bi, nghĩ riêng trong lòng : « Tình cảnh thế này mà mình không cứu, thì còn ai cứu họ nữa ! » Song le, một tay khôn nỏi, mới đi tìm một vị đồng-chi tên là Sừ-dạt (Miss-Start) để bàn định công việc. Bà bạn lấy làm thích lắm, mới cùng nhau lập thành quy-tắc ; khi trở về, thuê một cái nhà cũ ở thành Si-catgo (Chicago) mà sửa sang lại thành một ngôi nhà sạch sẽ phong-quang, sắm đủ các tranh ảnh bàn ghế, bày biện rất có thú-tự, để cho người nghèo có chỗ nghỉ. Những người cực khổ ở trong thành ấy, phần nhiều là dân xứ khác đến ở nhờ, họ vì nghèo khổ, nghe lời các bác lái buôn giàu dành lừa đến đây làm sẽ già lương nhiều, nên bỏ cả quê cha đất tổ mà đến ở đây, từ-cổ vô-thân, thì người ta đẩy-đọa thế nào chả phải chịu. Cho nên cả nhà già trẻ, từ sáng đến tối không được nghỉ một chút nào, thậm chí cha con không được thấy mặt nhau dưới bóng mặt trời nữa. Bà thấy rõ tình-cảnh ấy, ruột đau như cắt, mà nghĩ mình là người xứ lạ, không dám đương đột làm liều, nên phải theo phương-pháp gián tiếp, lấy mỹ-thuật làm món quà mắt ruột cho những người khổ kia, mới thuê thêm khu đất quanh nhà, giồng các thứ hoa, buổi sáng buổi tối, đón các người khổ kia vào xem hoa ngắm cảnh. Những người nghèo khổ được một chỗ hợp mặt giải trí chẳng khác gì lại thấy cảnh quê hương, trong lòng yên ủi là dường nào !

Bước đầu thấy có kết-quả tốt, bà liền tính đến bước thứ hai : Bà mở một sở kêu là ưu-tri-viên, để trông nom những trẻ từ năm sáu tuổi giở xuống, vì bố mẹ chúng nó phải đi kiếm ăn, bỏ con ở nhà không ai coi-sóc, đầu đường xó chợ, bỏ lê bỏ-la, ăn uống bần-thiếu, hại đến thân thể, chơi bời lêu-láo, hại cả linh thần, nuôi thành cái tính lập quen từ bé,

nhón lên tất trở nên hạng tàn-ác vô-dụng mà làm hại cho xã hội. Bà thấy rõ cái hại ấy, nên mới lập ra nhà ấu-trì để nhận trông nom giúp (như hội Tế-sinh ở Hanoi bây giờ). Bà hết lòng săn sóc như thề mẹ lạnh đối với con đò, nên lũ trẻ cũng coi bà như mẹ lạnh, từ đó dân nghèo trong thành đi làm ăn, cứ gửi con vào đấy, chả còn nghi ngại gì nữa.

Bà lại thấy có nhiều bọn trẻ bé từ mười tuổi trở lên, đi học không có lương ăn, đi làm lười không ai thuê, cứ vơ vẩn ngoài đường, lũ năm lũ bảy, đánh đáo, đánh đĩnh, ăn cắp. ăn nấy, quấy nhiễu mọi người, rất là khó coi, bà mới mở một sở gọi là Duyệt-thư-xã, mua những sách hay mà để xem, để cho chúng xem, thỉnh thoảng lại giảng cho chúng nghe, vì thế mà con trẻ nhiều dĩa biết hối lỗi làm lành.

Lại có một phần con gái nhỏ đi làm bị thối, không chỗ nương thân, bà mới mở ra một sở gọi là Sở tập may để dạy chúng nó học thêu dệt, may vá, đan lát, không bao lâu đã nhiều dĩa thành nghề khéo.

Bà lại mở một lớp học dạy về âm-nhạc, để luyện tập cho bọn trẻ thích mỹ-thuật. Về sau trong lớp ấy đã đào-tạo ra nhiều tay âm-nhạc giỏi có tiếng. Trong sở bà lại đặt riêng một khu dạy các đàn bà tập dệt lối mới. Hàng lối đẹp, công làm rẻ, bán hạ giá, thu được rất nhiều tiền, không vì thiếu tiền mà ngăn trở việc phúc.

Ở trong thành Si-ca-gô, cũng có rạp hát, có nhà chiếu bóng, thường diễn các lịch dâm-dãng, làm bại thuong cả phong-hóa, trai gái trẻ tuổi, mắc phải bả ấy, hai không biết là bao nhiêu. Bà thấy cảnh đáng thuong như thế, nghĩ cách cứu vớt, lại phải theo cái tình thích ấy mà cũng mở rạp hát, cho diễn các tích có ý vị hay để chấn-chỉnh tinh-thần cho bọn trẻ. Trước thì các người có học-thức thích, sau đến kẻ hư cũng tỉnh cơn mê mộng mà thấy tỏ đường quang, thực là làm đưng chữ « tùy thuận chúng sinh, mà làm lợi ích » vậy. Bà lại còn làm được một việc rất lớn, rung động cả thế-giới nữa. Việc đó là việc gì? tức là một đạo luật chung không được bắt trẻ con làm công quá tám giờ một ngày, và đàn bà trước sau kỳ sinh-sản, được nghỉ sáu tuần lễ mà vẫn được ăn lương. Đó là bà thấy rõ tình-hình trong thành

Sí-ca-gô, các nhà công-nghệ giàu họ bắt nạt thợ thuyền khổ quá. Bà thấy thế rất thương, nhưng nói với bọn phú-thương, họ cũng chẳng nghe nào, nên bà phải vận-dộng về mặt báo-chí ngôn-luận, mãi mãi thành ra nhiều người biểu đồng-tình mà chính-phủ cũng can-thiệp vào, để định giờ làm việc, từ đó các công sở ở vạn quốc cũng đều theo cả, tạo phúc cho nhân-loại lớn lao là dường nào!

Ta xem lịch-sử của bà đủ biết cái lòng đại-từ, đại-bi của bà là thế nào rồi. Trong kinh Bất-đại-nhân-giác có nói rằng: « Điều thứ tám phải biết rõ rằng : Cái cầu sinh-l tử, nó nung nấu người, khổ-não vô cùng vô hạn, nên phải mở lòng đại-thức, tế-độ hết thầy. Nguyên xin thay cho chúng-sinh, mà chịu các nỗi khổ-sở, khiến cho chúng-sinh được vui-sướng thực ». Như bà thật đã làm trọn được những câu kệ trên này vậy.

II. — Bà Nam-Đình Cách-Lan (Florence Nyhtingale). Bà là con một vị học-giả ở nước Anh, sinh năm 1820, tính bà nhân từ, từ thuở nhỏ. Lúc thơ bé hay chơi con búp-bê, bế âm yêu dấu, như thế yêu người thật, có khi thấy hình như con búp-bê ốm, bèn đem đặt lên giường, gói đầu cho cao, vỗ lưng, xoa trán, mua quả mua bánh, để ở bên mình, y như chăm nom người ốm vậy.

Mới mười hai tuổi, bà đã có chí dự-bị những tài-liệu để sau này ra làm việc, cho nên có khoa học như học tính, âm-nhạc, vẽ, chữ Anh, chữ Lạp-đinh, chữ La-mã, cho chí các việc thủ-công, khoa nào bà cũng học thông thạo cả.

Tình bà rất thương yêu các giống động-vật. Có một lần ra bãi cỏ chơi, thấy một ông già chăn dê xưa ruồi đàn dê rất là khó nhọc, bà hỏi sao không kiếm người giúp hộ. Ông già nói : mọi khi nhờ có con chó Khắc-bát nó giúp, hôm nay bị một đứa trẻ nghịch ác ném đá nó què cẳng, không đi được, có lẽ vĩnh viễn không đi được nữa, cho nên tôi vất vả lắm. Bà nghe nói chạy ngay đến gian lều của ông già, đẩy cửa ra, thấy tiếng con chó ở trong sủa ra, bà lại gần, miệng huýt tay vẫy tỏ ý thân yêu, con chó nguẩy đuôi mừng, bà vỗ vào lưng nó, rồi xem đến đùi nó thấy vết thương sưng-húp, bà liền đi kiếm bóng kiếm dẻ, đun nước sôi buộc băng cho nó, nó liền đỡ sưng mà nằm yên, đương mắt tỏ ý biết ơn lắm.

Từ hôm đó, hôm nào bà cũng lại bỏ băng cho nó một lần, trong bốn năm hôm nó lại lành mạnh như thường và đi giúp ông già chân dễ được.

Lúc bà còn bé, không những bà hay cứu giúp các giống vật mà thôi, nhất là đối với người ốm, thì lại càng chăm chú lắm. Bà cho những sự trông nom các người già và trẻ bé là cái trách nhiệm của bà phải gánh, cho nên cứ một mực mà làm, không hề chán nản. Bà mẹ bà cũng là một bà rất giàu lòng từ-thiện, hay đi thăm nom các người ốm và các người hoạn-nạn. Khi thì lấy lời an-ủi, khi thì tặng cho quà bánh, có khi sai bà đem đi. Bà được mẹ sai đem cho người ốm, thì lấy làm vui vẻ lắm. Nhiều khi bà ngồi bên người ốm lấy lời nói ngọt-ngào yên-ủi, khiến cho người ốm quên cả sự đau-dớn của mình. Đã một lần có một bà già bị cảm phong-hàn, phát sốt rất dữ, trông thấy cái gì cũng ghét, nào kêu nước ngọt, kêu cháo đặc, kêu gối đau đầu, không có một cái gì là vừa ý mà chỉ kêu cho mau chết. Người con gái bà ta sợ cuồng không biết làm thế nào nữa. Sau đó bà ta nói : « May đi mời cô Nam-Đình Cách-Lan lại ngay đây họa may cô ấy mới giúp được ta một chút. » Người con gái chạy đến tìm bà lại, một lát, trên má bà già đáng thương đáng sợ kia đã nở ra vẻ cười rồi, trong lòng rất yên ổn, bao nhiêu thứ trước ghét, lúc đó đều khen tất cả. Không phải bà có phép thuật gì đâu, bà chỉ có cái vẻ từ-bi đáng yêu và liếng nói trong trẻo đáng ưa, khiến cho người ốm trông thấy, nghe thấy, phát sinh ra sự vui sướng mà được thể thối. Chúng ta phải biết, không những bà đối với bà già ấy mới thế đâu, bà đối với hết thầy người ốm đều như thế cả.

Năm bà hai mươi tuổi có tổ-chức ra một lớp học chữ-nhật cho các đàn bà con gái học.

Cha bà là một nhà quý phái, muốn cho vợ con cư-xử theo lối thượng-lưu, cho nên đem cả gia-quyển vào ở giữa kinh-thành Luân-đôn để hưởng sự thoải-lạc. Cứ như người khác thì được cái địa-vị ấy đã ra dáng kiêu quý, lên xe xuống ngựa rong ruổi suốt ngày cho no lòng mãn chí, còn hơi đâu nghĩ đến người nữa. Nhưng bà thì không phải là người thế. Bà thường nghĩ rằng :

« Trời sinh ta ở trên đời này, khiến cho ta được hưởng sự giáo-dục cao thế này là để làm gì đây?— Là để cho ta mưu-sự khoái-lạc cho người đó, là để cho ta mưu-sự hạnh-phúc cho xã-hội đó. Ta phải toan lo làm sao, mới không phụ lòng trời đã hậu cho ta có cái tài năng này và xoay cho ta cái cơ-hội này! » Bà nghĩ như thế nên bà nhất quyết làm cho đạt cái mục-đích, hy-sinh cái của mình có sẵn mà gia tay tế-độ với người trầm-luân. Bước đầu tiên bà đi du-lịch các nơi, để xem xét công việc khán-hộ. Lúc đó cái quan-niệm về việc khán-hộ của nước Anh hãy còn kém lắm, chỉ những con nhà hèn hạ mới lập, còn con nhà cao quý không ai thêm làm, vì thế nên công việc săn sóc trong các nhà thương hiểm người có lòng tử-tế. Trừ các bà sò ra, đặt lũ đầu trâu mặt ngựa, người ốm trông thấy họ cũng đã sợ mất vía rồi. Bà trông thấy tình-cảnh người ốm thõng khờ như thế, bất giác ứa nước mắt ra mà tự ngẫm nghĩ, càng thấy cái trách-nhiệm của mình lại càng nặng-nề lắm. Từ đó bà rời quê cha đất tổ, sang thăm bên Đức, là một nước huấn-luyện phương-pháp khán-hộ rất tinh-tường hơn nước Anh. Bà học ở nhà thương bên Đức hai năm, khi biết đủ phương-pháp rồi bà liền sang qua kinh-thành Pa-ri, thỉnh-linh bị cảm phải vào nhà thương. Bà được nhờ tay các khán-hộ nước Pháp trông nom rất châu-đáo, nên tấm lòng thương người ốm và cái chí cứu giúp người lại càng tăng-liển thêm lên. Khi về đến nhà, được ít lâu thì chính-phủ Anh mời bà ra làm chức Giám-sát các khán-hộ-phụ. Bà làm việc lao-lực quá, tinh-thần dần dần suy kém, đến lúc yếu quá phải cáo về nhà dưỡng bệnh và dự-bị làm nên sự-nghiệp lớn ở trên cõi đời. Năm 1855 nước Anh nước Pháp đồng-minh đánh nhau với nước Nga ở Cờ-ri-mi (Crimea), quân lính chết ngổn ngang, lại thêm trời rét như cắt, tuyết xuống đọng trên mặt đất đến ba thước, quân lính bị thương quần áo máu-me bết-bết, nằm trên mặt đất, đói rét thõng-khờ chẳng ai trông nom, người không đến nỗi chết cũng phải chết, tình-cảnh rất là thảm. Bà biết tin ấy, liền đi rủ các bạn đồng chí, được tất cả hơn ba-mươi bà khán-hộ, tình-nguyện đến nơi chiến-tràng cứu giúp quân lính. Đi ròng rã một tháng trời mới đến, thế mà bà xếp đặt trong 24 giờ đồng hồ, trong rạp đã có mấy trăm người

trông thấy một vị tiên-thư mũ trắng áo thâm, mặt tươi như
hồa vôi vôi vàng vàng trông nom cho mình có chỗ mà yên
nghỉ rồi. Một hôm bà thấy năm người nằm bên giường mê-
man bất-linh, thầy thuốc nói không thể nào cứu được nữa.
Bà nói với thầy thuốc xin cứu giúp họ một đêm. Thầy thuốc
nói : « Cứu thì cứ cứu nhưng tuyệt vọng rồi, chả làm gì
được nữa ». Đêm hôm ấy bà cùng một bà bạn nữa đến bên
người ốm để trông nom xoa bóp. Người ốm có lúc sực tỉnh,
đã thấy có người nhét bánh vào miệng cho ăn, đồ sữa cho
uống, lại lấy nước nóng băng chỗ bị thương và lấy lời ngọt
ngào yên ủi, đến sáng hôm sau, họ đều bớt nhức, thầy thuốc
xem lại, lấy làm lạ quá, vì rằng chính mình xem thấy bệnh
đã tuyệt-vọng rồi mà qua tay bà trông nom một đêm, bệnh
thể đã bớt nhiều và có hy-vọng nhiều lắm. Từ đó số linh bị-
thương mỗi ngày một nhiều, mà các đồ ăn nằm cái gì cũng
thiếu, một tay bà kinh-doanh cực kỳ lao khổ, mà người ốm
cũng rất khôn-nạn, vì rằng trời thì rét dữ, chăn chiếu không
đủ, thậm chí ba bốn người phải chung một giường một chăn,
trong nhà thương y như một cái thành sần vậy. Song lẽ, tình
cảnh thì rất thê-thảm, nhưng nhờ có bà hết sức trông nom,
cho nên lắm lòng kẻ ốm, cũng cảm-kích cái đức từ-bi của
bà mà tự yên-ủi được. Thường thì đêm hôm, mọi người đều
ngủ yên, còn một mình bà, tay xách một cái đèn con, đi đi
lại lại bên giường người ốm, để săn-sóc họ. Có một lần một
người linh trẻ bị đạn gãy tay, đau quá không thể ngủ được,
cứ nghiến răng lại mà lăn lóc ở trên giường, có lúc chừng
hai con mắt nhìn những người khác ngủ mà xuýt xoa. Đang
lúc thăm-sầu, bỗng thấy cửa phòng sẽ hé, một ánh sáng nhỏ
chiếu thẳng vào giường mình, liếc mắt nhìn ra, thoáng có
một cô gái trẻ tay đeo nhẫn vàng, ở ngoài đi vào, lại khép
cửa lại. Người con gái ấy mình mặc áo đen, đầu đội mũ
trắng, tay cầm cái đèn con, hình-dong óng-ả, coi đáng yên
quá. Người linh trẻ trông thấy, con mắt mở to, nâng cái
cánh tay bị thương lên trên, kéo khăn phủ lại, rồi nằm im
để chờ người lại thăm. Người con gái ấy bước vào trong
phòng, đi qua mỗi giường, lại đứng lại một tí, xem thấy
người ốm ngủ yên, mới đi đến giường khác, hề người ốm
nào còn thức thì lại se sẽ yên-ủi mấy câu. Một lát đến giường

người linh gầy tay, se se vô tay vào chấn, yên-ừi mấy câu rất ngọt ngào rồi thủng thỉnh đi. Người ốm trông thấy cái vẻ mặt tươi như hoa, lồng bóng đèn vào, càng thêm óng ả, nên khi người con gái đi rồi, liền hôn vào bóng một cái rồi thêm thiếp ngủ yên, vết thương cũng bớt dần, rồi lại khỏi như thường.

Những công-lao bà đã làm trong nhà thương, nói không thể xiết, nay dẫn mấy lời của người ốm viết về nhà, đủ biết qua cái lòng thương người của bà như thế nào và lòng người kính mến bà như thế nào! Một người linh viết thư về nhà có nói rằng : « Chúng tôi gọi Nam-Đình Cách-lan là sứ nhà trời. Nếu có bà ở gần, thì không ai là không thích làm thiện ». Một người viết rằng : « Trước khi chưa có bà Nam-Đình Cách-lan, chúng tôi thế phải khuấy rồi, khi có bà đến liền thấy yên lặng như ở nơi giáo đường.

Một người viết rằng : « Bà Nam-đình Cách-lan nói chuyện với chúng tôi, bao giờ cũng có vẻ vui cười, tiếng nói dịu dàng, hay se se gật đầu, tỏ ý đáp lại câu chuyện của chúng tôi. Cho nên khi bà đi rồi, chúng tôi liền hôn theo cái bóng của bà. »

Ngoài bình linh ra, lại còn vợ linh, ở xa đến thăm chồng, có người đến đấy mới đẻ, chỗ ăn chỗ ở không có, linh cảnh rất thảm thương, lại phải dựng thêm một trại con gái nữa để trông nom việc đó.

Vì bà làm nhiều quá, tinh thần thể sức đều sút, cho nên hết nhiên phát sốt. Thầy thuốc nói cần phải đưa lên nhà thương trên núi mà điều-trị mới có thể khỏi được. Lúc đưa bà đi, không một người nào không khóc nức nở, vì trông thấy bệnh tình bà đã nguy hiểm lắm, cái ngày từ đã cõi trần, không còn mấy nữa. Bất nhật tin bà sắp chết đờn rảy các nơi, bao nhiêu quân linh bị thương đều tình-nguyện cầu trời xin thể mạng cho bà. Hết thầy các hạng người trong nước Anh đều lo-lắng sầu não như thể nhà nước sấm có tai vạ lớn sắp tới vậy. Qua mấy hôm sau, tin mừng bà đã khỏi sốt đưa khắp các nơi, ai nấy đều mừng nhầy người lên. Lúc bà nằm ở nhà thương, chính quan Nguyễn-soái cũng đến chực cửa nhà thương từ năm giờ để hỏi thăm tin bà. Bà tuy khỏi sốt, nhưng người còn yếu, thầy thuốc khuyên bà

về nghi, bà nhất định không về, vì công việc bề bộn, người ốm còn đau đớn, bà không thể nào bỏ giữa đường cho đành. Chưa bao lâu việc chiến tranh đã kết liễu, binh lính nước nào về nước ấy. Tiếng hoan-hô rập cả trời đất. Bên nước Anh, từ vua chí dân, không ai không cảm kích cái công nghiệp của bà mà cùng nói rằng: «Bây giờ chúng ta dùng cách gì mà báo đáp ơn bà?» Các bạn thân bà nói: «Nên gọt liền lại làm một cái nhà thương, lấy tên bà mà đặt tên nhà thương, khiến cho đời sau nhớ ơn bà mãi.» Trong một năm số tiền quyên được làm một tòa nhà thương rất lớn mà vẫn còn thừa nhiều. Bà khuyên đem sang cùng nước Pháp, để giúp nạn vỡ đường.

Khi bà trở về nước, toàn-thể quốc-dân đều mong ngóng cái kỳ cách về đến nơi để tỏ-chức một cuộc đón rước cực-kỳ long-trọng. Sau mãi chẳng thấy tăm hơi gì cả vì bà đã cải trang mà đi lên về nhà rồi. Nhân dân biết tin, liền đem số tiền định làm việc đón rước ấy đưa đến lặng bà. Bà đem ra làm một cái trường lớn để huấn-luyện các khán-hộ-phu.

Xem như chuyện hai bà đây, chúng ta thực không thể nào dám bảo nữ-giới kém tnh-khien hẳn và kém chí thông minh được nữa. Chúng ta nên biết rằng hai bà sở dĩ làm nên được công-nghiệp lớn lao như thế, là nhờ ở công phu học-tập và từng trải, mà lại cốt nhất là nhờ sức tin của Tôn-giáo, cho nên làm được đầy-đủ đạo nhân-tử. Ngẫm lại xã hội ta xưa, cũng không thiếu gì các bà tài-giỏi, nhân-dức, chỉ vì sự giáo-dục không tốt và sự sùng trọng của xã-hội thấy kém, cho nên không thấy công-nghiệp rõ rệt đó thôi. Tôi còn nhớ phẳng-phát một bà ở về vùng Phú-xuyên xuất tài, xuất lực, giồng hai giếng đa giải tới mấy cây số để cho người di đở nặng, vì con đường ấy, hai bên là đồng chiêm cả, về mùa gặt hái nhiều người chết ngã nặng lắm, nên bà mới phát tâm làm một việc ấy, tuy so với, coi sự nghiệp hai bà Âu Mỹ kể trên kia chưa thấm vào đâu, nhưng một tấm lòng nhân thi cũng như nhau vậy. Tục còn truyền một câu nói rằng:

«Đi qua cầu anh cần em, ngoảnh lại mà xem rặng đa bà chi» chính là tích chuyện ấy. tiếc rằng tôi không khảo sát được kỹ càng để nhắc lại cho giáo-hữu nghe.

Bây giờ, sự học đã mở mang, đàn bà con gái, cấp sách vào trường cũng đã nhiều lắm, coi bề ngoài cũng có vẻ đáng tự hào rằng ta nay đã hơn các chị em bạn gái ngày xưa nhiều; ta đã có địa-vị ăn nói ngang với nam-giới rồi, không phải vùi đầu trong công việc niêu tương trách mẩm nữa, không phải tủi với manh áo tử thân, cái siem ba bực nữa, mà nhảy lên xe bóng lộn, cuộc đời giầy đế cao, ăn trắng mặc trơn, sống một cách thần-liên cao-quý, thế mà xét về thực-tế thì thế nào? Trong chỗ trông nom trẻ cõi, nơi cứu-lộ người già ốm, các vị hữu-lâm thế-đạo, chỉ lẽ-lẽ có mấy người, ngoài ra chỉ thấy tấp-nập ở bên bờ hồ, chen chúc ở trong buồng múa, làm cho cha mẹ lo sầu, làm cho gia-đình đổ rấp, chả thấy có cái gì là đáng ghi trong sự học vấn cả, than ôi !

Thuần-phong xuy lụn, bả phần-hoa say đắm thuyên-quyên; Thế thái kiêu sa, sóng dâm dăng xô nhào thực-nữ. Nếu không sớm tỉnh lại mà tu-thân luyện-tĩnh, lịch-đức vun tãi, thì rồi đây càng ngã càng đau, càng đạo càng sâu, đến lúc sóng bể khổ tung qua tâm mắt, nước sông mê tràn ngập đường đi, thì cầu cho được như ngày nay, cũng khó lắm rồi, còn nói chi đạo nữa. Các bậc đại-đức xưa kia nói rằng :

Kiếp này chẳng độ thân này,
Kiếp nào lại độ thân này nữa ru.
Đừng toan già mới tin theo đạo,
Bao năm mò hoang giặt thiếu-niên.

Thế thì chúng ta càng biết rõ rằng được làm kiếp người, thực là khó lắm, mà đã được làm người thì bất phân nam nữ, ai tu cũng được, ai học cũng hay. Tôi xin hướng lên Tam-bảo nguyện rằng các cụ các bà và các chị em đã biết quy-y Phật rồi nên tin lời Phật, gắng sức tu lên, sẽ được tỏ lòng thấy tính, thấu-đạo Bồ-đề, chớ có tự ngăn cấm mình, tự hạ giá mình vào địa-vị kém hèn mà lỡ cả việc lớn của đời mình.

Đặt quyền sách vắt tay nằm nghỉ,
Hãy làm người dạy kỹ thì nên,
Phấn son dù chẳng bút nghiên,
Cũng nhân-tâm ấy há thiên-lý nào.

Nhân-quả tiêu-thuyết

因果小說

(Tiếp theo)

Cũng thì là người, cảnh ngộ cùng như nhau mà kẻ sang người hèn, kẻ giàu người nghèo, kẻ thọ, người yếu, chia ra hữu phúc và vô phúc, hữu duyên và vô duyên là tại có làm sao? — Có phải là sự tình cờ hay không? Không, phạm sự gì cũng phải có cớ rĩ mà ra, như cái quả là do cái nhân mà ra, chứ không khi nào lại do sự ngẫu nhiên được.

Làm lành thì được báo sự lành, làm ác thì được báo sự ác, thiện nghiệp và ác nghiệp đều là tự tay mỗi người làm ra, như bóng theo hình, như vang ứng tiếng, là cái lẽ tự nhiên: nếu hình ngay thì không khi nào bóng lại cong, mà tiếng trong thì không khi nào vang lại đục, tự nhiên thì nhiên, không sai một mảy vậy.

Kiếp người chia làm ba: qua khứ, hiện tại và vị lai (過去現在未來).

Nhiều người kiếp hiện tại làm lành mà lại chịu tàn khổ bởi có làm sao? Là cái ác nhân tự kiếp quá khứ, kiếp hiện tại phải chịu, còn cái thiện-nhân của kiếp hiện tại thì kiếp vị-lai mới được hưởng thiện-quả.

Nhiều người, kiếp hiện tại làm ác mà lại được hưởng vinh hoa, bởi có làm sao? — Là do cái thiện-nhân tự kiếp quá khứ, kiếp hiện tại được hưởng thiện-quả, còn cái ác nhân của kiếp hiện-tại thì kiếp vị lai mới phải chịu ác-quả.

Trong kinh có câu: «dục tri tiền thế nhân, kim sinh thụ giả thị» (欲知前世因, 今生受者是, 欲知來世果, 今生作者是), nghĩa là muốn biết cái nhân của kiếp trước thế nào thì xem cái số thụ của kiếp này, muốn biết cái quả của kiếp sau, thì xem sự số tác của kiếp này, tức là cái thuyết nhân quả vậy.

Người bất hiếu với cha mẹ lại sinh con bất hiếu, người cho vay lãi nặng, con cháu lại suy bại vì sự đi vay, kẻ giết người ít khi tránh khỏi tù tội, đều là sự số kiến hàng ngày, không ai là người không tin.

Nhơn đến một nước, như đời nhà Trần, lấy sự hôn-nhân 婚 姻 được nước, sau lại vì sự hôn-nhân mất nước, nhỏ đến như sự đánh bạc, hễ đánh lầm thì sai, đều là những cái nghiệp báo tự nhiên.

Đã tin có nghiệp báo thì phải giữ gìn theo điều lành, tránh điều ác, mới là người khôn vậy.

Nếu đã hiểu thấu cái chân lý về nghiệp báo, thì dù kiếp này có gian truân, tân khổ, cũng nhẫn nhục mà chịu cho hết cái ác báo, rồi tinh tiến dũng mãnh làm lành, để gây lấy cái thiện-nghiệp về kiếp sau.

Kinh Phật có câu nói rằng: « giàu sang thế nào, cũng không tránh khỏi được luân-hồi; thông minh thế nào cũng không thắng được định-nghiệp. Định nghiệp tức là nhân quả. Trong kinh Ưu-bà-tắc nói: Phật dạy nghiệp báo có 4 cách:

1^o *Hiện báo* (現報) là bản thân tạo nghiệp, bản thân thụ báo.

2^o *Sinh-báo* (生報) là kiếp này tạo nghiệp, kiếp sau thụ báo.

3^o *Hậu-báo* (後報) là kiếp này tạo nghiệp, mấy kiếp về sau mới thụ báo.

4^o *Vô-báo* (無報) là báo ứng không nhất định, nghiệp vô-báo lại có 4 hạng:

1^o Ba thời kỳ: hiện báo, sinh-báo hay hậu-báo đã quyết định, nhưng nghiệp-báo không nhất định.

2^o Nghiệp-báo đã quyết định nhưng hiện-báo, sinh-báo hay hậu-báo không nhất định.

3^o Nghiệp-báo và thời-báo đều nhất định, nghĩa là nghiệp thiện hay nghiệp ác và hiện báo, sinh-báo hay hậu báo đều nhất định cả.

4^o Nghiệp báo thời báo, đều không nhất định.

Chúng sinh làm điều thiện điều ác, có khi đủ, có khi không đủ; trước nghĩ mà sau lại không làm là không đủ; cũng có khi không suy nghĩ mà làm ngay cũng là không

đủ ; lại đã làm điều ác mà không thành ác nghiệp là biết sám hối.

Người ta có thể xem nhân mà biết quả, xem quả mà biết nhân : những người giàu có là kiếp trước hay bố-thí ; những người thông-minh khỏe-mạnh và trảng-thọ là kiếp trước trí-giỏi ; những người bé nhỏ, là kiếp trước hay khinh người ; những người xấu xí là kiếp trước hay hôn-giận ; những người cảm-ngộng là kiếp trước hay nói xấu người ; những người mù điếc là kiếp trước không chịu theo đạo Phật.

Những người hay đánh đá, kiếp sau sẽ bị ác-tật ; những người hay giàng-buộc, kiếp sau sẽ bị tù-ngục ; những người trộm-cướp gian-giối, kiếp sau sẽ bị đọa vào kiếp trâu ngựa ; những kẻ gian-phu giám-phụ, kiếp sau sẽ là ngỗng là ngan ; vợ chồng hay cãi nhau, bỏ nhau, kiếp sau sẽ đọa vào kiếp chim bồ-câu.

Đạo Phật cũng không thay đổi được định-nghiệp của người, và cũng không độ được người vô-duyên là người không có thiện-nghiệp vậy.

Nhiều người cha con nghiệp báo gần giống nhau là khi huyết-tình-tinh giống nhau mà tạo nghiệp cũng giống nhau vậy.

Cha ông làm ác, để tội cho con cháu. Ấy là những người có ác-nghiệp kiếp trước mới lại vào làm con cháu những người làm ác mà chịu những nỗi thống khổ vậy.

Tình sâu nghĩa nặng, oán cực thù sâu, theo đuổi nhau mà kết làm thân-thuộc, không phải là sự-tình-cờ.

(Còn nữa)



PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

佛學辭典輯要

- Bắc-dầu** 北斗, — Tên một ngôi sao có bảy sao hợp lại, hình như cái đấu ở về mé bắc bầu trời, nên gọi là *Bắc-dầu*. Mặt tông cho ngôi sao bắc-dầu là đức Diệu-kiến Bồ-tát 妙見菩薩 hóa hiện ra. Tông này có thờ mà gọi là *Bắc-dầu Bồ-tát* 北斗菩薩 và gọi là *Bắc-dầu Tôn-tinh-vương* 北斗尊星王.
- Bắc-câu lưu-châu** 北俱盧洲, — Một châu trong bốn châu ở kinh Phật, châu này ở về mé bắc núi Tu-di, địa thế vuông vắn, nhân dân bình đẳng vui vẻ, cũng viết là 斗盧洲.
- Bắc-tông** 北宗, — Một giòng đối với Nam-tông là hai giòng trong Thiên-tông ở Trung-quốc. Thiên-tông từ sư-tổ Đạt-ma đến Ngũ-iô Hoảng-nhãn vốn một tông môn. Sau đời Hoảng-nhãn mới phân ra Bắc, Nam hai giòng. Giáo-hóa của Lục-tổ Tuệ-năng Lưu-hành ở miền Giang-ram, ấy là tổ của Nam-tông. Giáo-hóa của Thần-tử lưu-hành ở miền Bắc-kinh, ấy là tổ của Bắc-tông. — Nam, Bắc hai tông này khác với Nam, Bắc hai tông mà các sách quốc-văn ta mới dịch tức là sách từ-điển này gọi là Bắc-phương Phật-giáo và Nam-phương Phật-giáo.
- Bắc-độ** 北度, — Luật nghị thầy ngồi bên bắc trông ra bên nam mà độ cho đệ-tử, đệ-tử đứng bên nam trông vào mà làm lễ thầy.
- Bắc-trâm** 北枕, — Khi Phật nằm nát-bàn ở giữa hai cây sa-la gối đầu về phương-bắc, ngoảnh mặt về phương nam. Sau đạo Phật thịnh ở Bắc-phương, đời nói ấy là cái điềm của sự « bắc-trâm ».
- Bắc-uất đan-việt** 北毘單越 (Uttarakuru), — Tên một châu trong bốn đại-châu ở về mé bắc núi Tu-di.

Bào

- Bào** 泡, — Bọt nước. Kinh Kim-cương « như bảo như ảnh như 泡影 như bọt như bóng ».

Bảo

- Bảo-寶**, - Qui báu, tiếng phạm là *ma-ni* 摩尼.
- Bảo-nữ-寶女**, - Hiệu người con gái của Chuyển-luân-vương, là một của qui trong thất bảo của ngài. Kinh Pháp-hoa nói : « Bảo-nữ của chuyển luân-vương, ngửi mùi hương thì biết là hương ở đâu đến.
- Bảo-vương-寶王**, - Tôn hiệu của Phật, nghĩa là nhiều công đức qui báu.
- Bảo-sinh-mã-tọa-寶生馬座**, - Tên một tòa trong 5 cái tòa ngồi của Phật.
- Bảo-địa-寶地**, - Cõi đất của Phật.
- Bảo-trì-寶池**, - Ao bát công đức ở cõi tịnh độ.
- Bảo-quang-Thiên-tử-寶光天子**, - Tôn hiệu của mặt trời.
- Bảo-quang-minh-trì-寶光明池**, - Tên một cái ao ở nước Ma-ca-dà, Phật thuyết pháp ra kinh Bảo-níp-ẩn-dà-la-ni 寶篋印陀羅尼 ở đó.
- Bảo-cát-tường-thiên-寶吉祥天**, - Tên một cõi trời tức là mặt trăng.
- Bảo-xa-寶車**, - Cái xe tạo bằng các thứ ngọc cho con trâu trắng lớn kéo tức là đạo nhất-thặng.
- Bảo-phường-寶坊**, - Nơi chùa Phật.
- Bảo-tính-寶性**, - Tính Phật, tức là Như-lai tạng.
- Bảo-tính-công-đức-thảo-寶性功德草**, - Nói vì những châu báu ở cõi tịnh độ mềm dẻo như cỏ, tùy ý người dùng.
- Bảo-lâm-寶林**, - Rừng cây ở cõi tịnh độ.
- Bảo-sở-寶所**, - Nơi cứu cánh của cõi Nát-bà.
- Bảo-xát-寶刹**, - Xát là tiếng phạm « Ksetra » nghĩa là ruộng đất. Nên gọi cõi đất của Phật là bảo-xát.
- Bảo-diễn-寶典**, - Kinh điển của Phật.
- Bảo-giới-寶界**, - Thế giới thất-bảo.
- Bảo-châu-寶洲**, - Cõi đất của Phật thánh chính quả.
- Bảo-tướng-寶相**, - Tướng trang nghiêm của Phật.

Tinh-thần lễ bái

Ai lễ Phật, khi lui ra mà không đọc « Hòa-nam thánh-chúng »; Ai mộ Phật, niệm Phật mà không lần tràng, Thế mà hỏi đến nghĩa « Hòa-nam thánh-chúng » là thế nào? Lần tràng Phật dạy ở kinh nào, thì ít người hiểu lắm. Bởi vậy nên lễ bái chỉ có hình-thức mà kém tinh-thần; Lần tràng cốt để định tâm, lại hóa ra rối loạn. Vì những lễ đó nên tôi mới ấn hành bản *Khóa lễ giản dị* này, nói rõ những ý nghĩa cốt yếu trong khóa lễ, cho người lễ điều hiểu rõ vì sao ma lễ mà niệm mà sám hối, phát nguyện, hồi hướng, quy y; lần tràng được những ích lợi gì mà lần thế nào là đúng. Lại phụ thêm một *Khóa lễ* rất giản-tiện, để giúp những người nhiều công việc cũng theo được; một khoa *cúng cháo* để tiện cho mọi người đều biết cúng giàng rồi lễ thí.

Giá một hào (0 \$ 10) ở xa xin gửi thêm 2 xu cước.

Lại có bán Hồ-đề tám giới điệp đề các giá quy dùng, in ba màu rất đẹp. Giá mỗi tờ một hào.

Có các sổ điệp in máy rất đẹp, có sửa lại những chữ sai lầm, hòm sổ bao sổ vẽ cực đẹp, mua nhiều giá bán rất hạ. Có cả sổ nôm, in chữ Quốc-ngữ giấy vàng rất đẹp rất tiện, giá bán mỗi bản 1 xu.

Có đủ các kinh dùng để tụng niệm, in cả chữ Nho Quốc-ngữ đối chiếu, ai cũng tụng được.

Thư và mandat xin gửi cho Monsieur Nguyễn-hữu-Kha N° 36 Route Sinh-từ Hanoi.

Có nhận in và đóng các kinh điển sổ sách và các giấy mà rất nhanh chóng, giá rất hạ.

Chế tạo các thứ vở cho học trò dùng, mua nhiều rẻ không đâu bằng

Tin các Hội-viên quá cố

Những vị Hội-viên quá cố ghi tên sau này. Bản hội đã đến phùng viếng và ban Hộ-niệm của Hội đã cử-hành lễ tiếp dầu tây qui khi tổng-chuug, lại đã đều đặt các linh vị đê thờ tại chùa Hội-quán, và lần lượt đến tuần « Tỳ-cửu » của vị nào thì làm lễ cầu Phật siêu độ cho vị ấy, đê giả nghĩa đồng-đạo với nhau.

— Ông Nguyễn-qui-Tướng lúc Nam, 151 Phố Charron Hanoi viên tịch ngày 25 Février 1936.

— Cụ Cao-thị-Con, làng Lạc-đạo, Chi-linh, Haiduong, viên tịch ngày 24 Février 1936.

— Cụ Tạ-thị-Nghiêu 68, Chanceaulme Hanoi, viên tịch ngày 12 Mars 1936.

— Cụ Trần-thị-Nhị, xã Ngọc-nha, Khoái-châu Hưng-yên viên tịch ngày 5 Février 1936.

— Bà Đỗ-thị-Bip xã Kênh-khê, Khoái-châu Hưng-yên viên tịch ngày 19 Février 1936.

— Cụ Nguyễn-thị-Nhiêm, làng Cát-Lưu, Văn-lâm, Hưng-yên viên tịch ngày 22 tháng 2 năm Bình-lý.

— Cụ Nguyễn-khắc-Chức, thôn Mai-xã, xã Cồ-liên, Phú-xuyên, Haidong viên tịch ngày 15 Mars 1936.

Sách mới

Bản báo nhận được : 1^o quyển Phật-học thiền-dâm của Tế-nam và Liên-khôt, bán tại hiệu Ân-nhơn, 115 rue Paulbert Hué, giá 0 \$ 05 ; 2^o quyển Sơ-học yếu-lược sử-ký vấn-đáp của Lê-công-Đắc và Hồ-khắc-Tuần, bán tại nhà in Lê-Cường Hanoi giá 0 \$ 10 ; 3^o quyển Sơ-học yếu-lược địa-dư vấn-đáp của Lê-công-Đắc và Hồ-khắc-Tuần, bán tại nhà in Lê-Cường, Hanoi, giá 0 \$ 10. Xin cảm ơn tác-giả và giới thiệu với các bạn đọc.

BẢN BÁO KHẢI SỰ

Vì báo số 4, 8 và 10 hết, vậy từ nay ai mua năm hay mua nửa năm chúng tôi xin gửi từ số 11 trở đi, mà hạn mua báo sẽ kể bắt đầu từ số đó.